

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 17 tháng 7 năm 2019 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 33/2019/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 3 năm 2019 về việc tranh chấp chia tài sản sau khi ly hôn.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Tăng Thị Kim L, sinh năm 1982.

Địa chỉ thường trú: Số B đường Nguyễn Văn L, khóm B, phường H, thành phố P, tỉnh Sóc Trăng.

Bị đơn: Ông Lý Thành T, sinh năm 1979

Địa chỉ thường trú: Số B đường Nguyễn Văn L, khóm B, phường H, thành phố P, tỉnh Sóc Trăng.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Bà Tăng Thị Kim L và ông Lý Thành T đều thừa nhận trong thời gian chung sống bà Tăng Thị Kim L và ông Lý Thành T có tạo lập được tài sản chung là: Căn nhà cấp 4 được xây dựng trên phần đất có diện tích 106,7m², thuộc thửa đất số 397, tờ bản đồ số 44, tọa lạc tại số B đường Nguyễn Văn L, khóm B, phường H, thành phố P, tỉnh Sóc Trăng theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BQ 739764 do Ủy ban nhân dân thành phố P cấp cho bà Tăng Thị Kim L và ông Lý Thành T ngày 13 tháng 3 năm 2014. Căn nhà và diện tích đất này hiện nay do bà Tăng Thị Kim L đang quản lý, sử dụng.

* Phần đất có số đo, vị trí và tứ cận như sau:

Hướng đông giáp đất bà Phạm Ngọc N có số đo 4,1m.

Hướng tây giáp hẻm 305 có số đo 4,1m

Hướng nam giáp đất bà Phạm Ngọc N có số đo 27,0m

Hướng bắc giáp đất ông Lý Quốc V có số đo 20,88m + 6,11m.

Diện tích 106,7m², loại đất ODT: 60m² + CLN: 46,7m².

* Tài sản trên đất:

- Hàng rào nhà trước: diện tích $(3,9m + 1,5m) \times 2 = 10,8m^2$. Kết cấu: Cọc bê tông cốt thép, khung lưới B40, tường xây cao 0,7m.

- Nền xi măng: diện tích $3,9m \times 1,5m = 5,85m^2$.

- Nhà trước: Diện tích $6,5m \times 4m = 26m^2$. Kết cấu: Nền gạch men, cột (1/2 bê tông cốt thép + 1/2 bê tông đúc sẵn), vách tường gạch, đỡ mái sắt, mái tôn.

- Nhà chính: diện tích $4m \times 14,5m = 58m^2$. Kết cấu: Nền gạch men, khung cột bê tông cốt thép, vách tường gạch, đỡ mái gỗ, mái tôn có trần thạch cao.

- Hàng rào nhà sau: Diện tích $(3,9m \times 2,9m) = 13,6m^2$. Kết cấu: Cọc bê tông đúc sẵn, lưới B40, tường xây cao 1m.

- Mái che nhà sau: Diện tích $1,8m \times 4m = 7,2m^2$. Kết cấu đỡ mái sắt, mái tôn.

- Hai vách tường nhà sau: diện tích $(1,4m \times 2,3m) \times 2 = 6,44m^2$.

- Nền gạch men: diện tích $1,8m \times 4m = 7,2m^2$.

- Nền xi măng: diện tích $2,9m \times 3,9m = 11,31m^2$.

2.2. Bà Tăng Thị Kim L và ông Lý Thành T thống nhất thỏa thuận phân chia tài sản chung nêu trên như sau: Bà Tăng Thị Kim L nhận hiện vật là căn nhà và diện tích đất nêu trên. Ông Lý Thành T nhận giá trị cụ thể như sau:

Đến ngày 15/8/2019 bà Tăng Thị Kim L có nghĩa vụ thanh toán cho ông Lý Thành T số tiền 128.959.759 đồng. Ông Lý Thành T được nhận và sở hữu số tiền 128.959.759 đồng (do bà Tăng Thị Kim L thôi trả). Địa điểm giao tiền tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố P (số M đường Nguyễn Văn L, phường H, thành phố P, tỉnh Sóc Trăng).

Bà Tăng Thị Kim L được nhận căn nhà gắn liền với diện tích đất nêu trên.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về nợ chung: Bà Tăng Thị Kim L và ông Lý Thành T tự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Tăng Thị Kim L đồng ý chịu án phí phân chia tài sản là **3.223.993 đồng** nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã **nộp 2.875.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0004950 ngày 22/02/2019** của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P, tỉnh Sóc Trăng. Bà Tăng Thị Kim L còn phải nộp thêm số tiền án phí chia tài sản chung là 348.993 đồng.

Ông Lý Thành T đồng ý chịu án phí phân chia tài sản là: **3.223.993 đồng**.

2.4. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 1.150.000 đồng bà Tăng Thị Kim L đồng ý chịu. Số tiền này bà Tăng Thị Kim L đã tạm ứng trước nên bà L đã nộp đủ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND TP P;
- Chi cục THADS TP P;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Huỳnh Thị Bích Tuyền